

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011	15 - 42
8. Phụ lục	43 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005032 ngày 18 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Cổ đông Nhà nước (Công ty xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn)	23.110.010.000	19,26
Các cổ đông khác	96.889.990.000	80,74
Cộng	120.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-8)38.641.885
Fax : (84-8)38.642.060
Website : www.tanimex.com.vn
Mã số thuế : 0301464904

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	108 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	64 – 66 Trần Phú, phường 5, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Long An	Ấp Lộc An, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu; dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kiều hối; kinh doanh du lịch nội địa, quốc tế; Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu; Đầu tư và hợp tác đầu tư xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu; Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng; kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng; Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác); Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng; Lắp dựng khung kèo thép; San lấp mặt bằng; Vận chuyển hàng hóa, đại lý vận tải; Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản; kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh); Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Duy tu nạo vét cống rãnh; Sản xuất và mua bán nước tinh khiết; Sản xuất suất ăn công nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Dịch vụ rửa xe; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng; Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản; Đào tạo dạy nghề; Sửa chữa, bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại; Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, khí thải và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường; Trồng rừng; Khai thác cát đen; Khai thác đất sét; Sản xuất gạch ngói và nguyên vật liệu xây dựng; Lập tổng dự toán và dự toán công trình; Tư vấn đầu thầu; Lập dự án đầu tư; Thẩm tra thiết kế và dự toán; Khai thác và xử lý nước ngầm; Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng; Dịch vụ quảng cáo thương mại; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại; Kinh doanh khai thác và quản lý chợ; Cho thuê cao ốc văn phòng; Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản; Quảng cáo; Kinh doanh bất động sản; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Bình (Tanicom)	97 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304803640 ngày 17 tháng 9 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)	Lô IV-18 Khu Công nghiệp Tân Bình, đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000192 ngày 11 tháng 9 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)	Số 405 Ấp Lộc Bình, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100776581 ngày 28 tháng 3 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An	100%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)	Lô IV Đường số 1 – Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310352650 ngày 14 tháng 10 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng	93/13 Nguyễn Hội, phường Phú Tài, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400910908 ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận	80%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đã tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều gia tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do doanh thu kinh doanh bất động sản gia tăng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 42).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đã phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 01/BBĐHĐCĐ-2011 ngày 15 tháng 01 năm 2011 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2011 ngày 17 tháng 01 năm 2011 như sau:

- Chia cổ tức (30%/vốn điều lệ)	36.000.000.000 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	13.946.210.345 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	1.198.821.277 VND
- Trích quỹ khen thưởng	4.467.115.846 VND
- Trích quỹ phúc lợi	4.881.173.621 VND
- Trích thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát	900.000.000 VND

Ngoài ra, Công ty đã tạm ứng cổ tức của năm 2011 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 08/BBHĐQT-2011 ngày 28 tháng 3 năm 2011 và Nghị quyết số 05/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2011 với tỷ lệ là 15%/vốn điều lệ.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Lê Trọng Lập	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Trần Quang Trường	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Trần Thị Lan	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Võ Chí Thanh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thanh Phương	Trưởng ban	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Minh Anh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Ngoãn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-
Ông Lê Trọng Lập	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-
Ông Trần Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 12 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0909/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

**Kính gửi: QUÍ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ
VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 09 tháng 12 năm 2011, từ trang 08 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình thuộc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (Công ty mẹ) phát sinh doanh thu chủ yếu từ 3 hoạt động: cho thuê đất tại Khu công nghiệp, bán nền đất và bán chung cư. Từ năm 1998 đã bắt đầu phát sinh việc thu tiền thuê đất trong Khu công nghiệp trong khi chi phí về xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ cho hoạt động chưa phát sinh đầy đủ và tại thời điểm đó lại phát sinh các chi phí đền bù để di dời các hộ dân. Do vậy từ năm 2003 trở về trước Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình đã áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp "chuyển giao lô đất": doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần và giá vốn tại thời điểm đó là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải tỏa các hộ dân. Từ năm 2003 trở đi, sau khi đã tập hợp các chi phí liên quan đến hoạt động thuê đất và chi phí liên quan đến hoạt động bán nền và bán căn hộ chung cư thì hàng năm Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình ghi nhận doanh thu, giá vốn theo kế hoạch và từng bước điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp của dự án theo số liệu ước tính. Theo giải thích của Công ty mẹ, sở dĩ có tình trạng trên là do từ năm 2003 trở về trước các chuẩn mực kế toán chưa được ban hành đầy đủ và cũng chưa có các hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho hoạt động này. Việc ghi nhận doanh thu và chi phí như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước chấp nhận.

Theo chúng tôi việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho các hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp, bán nền đất và bán căn hộ chung cư như trên là chưa phù hợp với hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập khác. Theo đó, doanh thu cho thuê đất được ghi nhận theo số tiền thuê hàng năm, doanh thu bán nền đất và bán căn hộ chung cư được ghi nhận khi đã bàn giao nền và căn hộ. Giá vốn là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tạo ra doanh thu và được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Do việc ghi nhận doanh thu và chi phí của Công ty mẹ đã phát sinh từ nhiều năm về trước và khối lượng hợp đồng đã ký kết rất lớn và phức tạp nên chúng tôi không thể định lượng được ảnh hưởng của việc chưa tuân thủ hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 14 nêu trên đến các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty dựa vào Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác để xem xét mức độ tổn thất của các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Chúng tôi không có điều kiện để soát xét Báo cáo tài chính của các công ty này (xem thuyết minh số V.17).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc /
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên /
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1182/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		535.453.424.868	692.604.359.005
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	227.092.982.144	131.503.628.217
1. Tiền	111		25.369.968.259	38.176.366.661
2. Các khoản tương đương tiền	112		201.723.013.885	93.327.261.556
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.482.020.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	2.482.020.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.292.086.989	258.373.871.710
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	62.764.955.492	231.503.494.862
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	31.047.863.639	6.621.039.329
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	8.021.790.209	20.249.337.519
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(542.522.351)	-
IV. Hàng tồn kho	140		203.981.316.429	293.983.147.804
1. Hàng tồn kho	141	V.7	203.981.316.429	293.983.147.804
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.087.039.306	6.261.691.274
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	763.032.743	567.003.732
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		392.366.500	3.655.072.454
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		98.672.476	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1.832.967.587	2.039.615.088

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		531.136.362.615	448.511.024.186
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.575.648.768	38.517.569.443
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	16.844.996.899	25.570.998.043
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.11	-	12.946.571.400
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.12	(2.269.348.131)	-
II. Tài sản cố định	220		248.990.066.710	281.751.163.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	75.024.213.674	159.186.529.466
<i>Nguyên giá</i>	222		236.556.591.741	339.367.678.283
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(161.532.378.067)	(180.181.148.817)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	103.519.758.388	33.225.873.508
<i>Nguyên giá</i>	228		338.304.583.044	255.214.949.360
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(234.784.824.656)	(221.989.075.852)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	70.446.094.648	89.338.760.568
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	183.426.668.709	47.797.241.312
<i>Nguyên giá</i>	241		246.443.185.753	65.217.193.513
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(63.016.517.044)	(17.419.952.201)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		65.924.161.378	67.463.695.692
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	41.925.345.395	51.857.713.927
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	29.759.539.294	20.418.489.294
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(5.760.723.311)	(4.812.507.529)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.219.817.050	12.981.354.197
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	11.369.936.246	8.012.805.171
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		142.520.976	325.072.313
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	6.707.359.828	4.643.476.713
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.066.589.787.483	1.141.115.383.191

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		561.528.823.397	669.529.164.833
I. Nợ ngắn hạn	310		158.666.467.182	185.438.128.171
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	92.099.317.215	78.511.803.605
2. Phải trả người bán	312	V.23	18.618.992.464	45.654.506.995
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	4.355.020.524	3.045.718.926
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	3.527.769.208	6.286.185.485
5. Phải trả người lao động	315	V.26	11.001.564.622	8.359.678.749
6. Chi phí phải trả	316	V.27	20.501.421.741	18.743.234.081
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	4.868.331.938	19.039.505.041
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	3.694.049.470	5.797.495.289
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		402.862.356.215	484.091.036.662
1. Phải trả dài hạn người bán	331		93.855.986	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.30	85.031.597.605	99.618.334.449
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	100.844.371.801	92.335.449.568
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.32	1.136.163.157	2.046.089.227
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.33	215.756.367.666	290.091.163.418
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		505.060.964.086	471.586.218.358
I. Vốn chủ sở hữu	410		505.060.964.086	471.586.218.358
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	240.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	90.352.860.000	210.352.860.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.34	65.755.991.378	51.100.151.798
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	12.428.668.958	10.801.178.723
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.34	96.523.443.750	79.332.027.837
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.066.589.787.483	1.141.115.383.191

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		21.279.358.080	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		290.315.632	290.315.632
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		117.422,08	49.415,74
Euro (EUR)		17.844,00	24.669,00
Yên Nhật (¥)		59.874	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2011


Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng


Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.033.728.642.200	704.386.250.559
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	533.354	105.373.089
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.033.728.108.846	704.280.877.470
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	780.937.637.539	537.511.240.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		252.790.471.307	166.769.636.820
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	36.615.897.165	28.807.751.294
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	42.930.150.909	22.660.742.193
Trong đó: chi phí lãi vay	23		30.635.748.940	12.602.917.332
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	65.686.467.386	46.910.774.479
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	42.131.169.333	28.641.432.620
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		138.658.580.844	97.364.438.822
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.424.844.326	1.427.456.271
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.680.723.318	437.213.946
13. Lợi nhuận khác	40		1.744.121.008	990.242.325
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(9.097.116.495)	(130.266.170)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		131.305.585.357	98.224.414.977
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	33.003.497.054	22.596.264.519
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		182.551.337	91.062.057
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		98.119.536.966	75.537.088.401
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		98.119.536.966	75.537.088.401
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	4.088	3.147

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.044.714.250.202	642.441.073.790
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(671.176.817.476)	(372.899.449.825)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(58.674.794.107)	(60.696.423.897)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	V.28; VI.4	(30.575.552.208)	(13.994.004.108)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.25	(36.313.973.147)	(25.329.682.045)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.277.160.009.705	1.130.953.040.758
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.307.095.871.534)	(1.095.146.969.174)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		218.037.251.435	205.327.585.499
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13; V.14 V.15; V.16; V.II	(114.922.366.321)	(112.129.110.966)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	744.268.675	155.900.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.457.487.400)	(14.639.850.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.150.526.562	15.022.065.018
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.885.000.000)	(14.207.140.296)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		952.948.153	8.490.404.644
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	23.499.204.551	19.250.365.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(98.917.905.780)	(98.057.366.211)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22; V.31	378.294.365.146	267.875.874.604
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22; V.31	(359.987.967.394)	(272.861.361.904)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.34	(41.858.157.000)	(33.145.982.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.551.759.248)	(38.131.469.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		95.567.586.407	69.138.749.488
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	131.503.628.217	62.347.723.913
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		21.767.520	17.154.816
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	227.092.982.144	131.503.628.217

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2011

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh bất động sản, khai thác, dịch vụ, thương mại, khách sạn.
3. **Ngành nghề kinh doanh chủ yếu**: Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Đại lý bán lẻ xăng dầu, gas, nhớt và dầu mỡ; Sản xuất, mua bán nước uống tinh khiết; Gia công hàng may mặc; Khai thác và kinh doanh nước ngầm, nước sạch; Sản xuất suất ăn công nghiệp; Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh nhà hàng ăn uống; Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây và chăm sóc cây xanh); Hoạt động các câu lạc bộ: hồ bơi, tennis; Dịch vụ thu gom và vận chuyển rác; Dịch vụ rửa xe; Cho thuê kho hàng, xưởng sản xuất; Bán hàng nhập khẩu, cho thuê mặt bằng kho; Bán buôn thực phẩm hàng tiêu dùng; Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn 2 sao), nhà hàng ăn uống tại khách sạn Phương Đông; Khai thác đất, sản xuất gạch; Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ; Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng; Dịch vụ quảng cáo thương mại; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại; Kinh doanh khai thác và quản lý chợ; Cho thuê cao ốc văn phòng; Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản; Quảng cáo; Kinh doanh bất động sản; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Xử lý nước thải.
4. **Tổng số các công ty con** : 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Bình (Tanicom)	97 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)	Lô IV-18 Khu Công nghiệp Tân Bình, đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)	Số 405 Ấp Lộc Bình, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)	Lô IV Đường số 1 – Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng	93/13 Nguyễn Hội, phường Phú Tài, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	80%	80%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)	Lô I-2 nhóm công nghiệp 1, Khu Công nghiệp Tân Bình, đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	47,50%	47,50%
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)	Lô 6-1, cụm 6, Khu công nghiệp Tân Bình II, đường M1, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	48,92%	48,92%
Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimoza xanh	Số 2 Nguyễn Thái Học, phường 1, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	45%	45%
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	631 – 633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	40%	40%
Công ty cổ phần kính Tân Bình	Lô 6-1, cụm 6, Khu công nghiệp Tân Bình II, đường M1, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	20%	20%

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 Tập đoàn có 719 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 1.215 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đã tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều gia tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do doanh thu kinh doanh bất động sản gia tăng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 31
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Cây lâu năm	07
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 07

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Nhà trên đất	08 - 25
Quyền sử dụng đất	50

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
San lấp mặt bằng	05 - 07
Chi phí đền bù	05 - 07
Quyền sử dụng đất	50

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa văn phòng, Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

15. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% trên mức lương đóng bảo hiểm xã hội. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ các công ty.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày	30/9/2010	: 18.932 VND/USD
		26.803 VND/EUR
	30/9/2011	: 20.628 VND/USD
		28.045 VND/EUR

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu bán nền đất và doanh thu bán chung cư được ghi nhận doanh thu sau khi có sổ hồng đối với doanh thu bán chung cư và nền đất kinh doanh. Đối với doanh thu nền ưu đãi và nền tái bố trí doanh thu được ghi nhận theo kế hoạch do Công ty giao.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	7.251.126.245	5.146.208.968
Tiền gửi ngân hàng	18.118.842.014	33.030.157.693
Các khoản tương đương tiền (*)	201.723.013.885	93.327.261.556
Cộng	227.092.982.144	131.503.628.217

(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác		
Cho Công ty cổ phần Kiến Tân Bình vay với lãi suất 10,44%/năm	-	1.982.020.000
Cho Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ y tế Tân Bình vay với lãi suất 12%/năm	-	500.000.000
Cộng	-	2.482.020.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Acecook Việt Nam	4.471.653.024	6.291.824.220
Chi nhánh công ty cổ phần Acecook Việt Nam tại Bình Dương	7.224.392.670	7.728.846.774
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics	4.946.786.516	-
Công ty TNHH ITL - Trans Keppel Logistics Việt Nam	2.701.476.940	-
Công ty cổ phần kiếng Tân Bình	-	7.463.283.731
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương	26.710.084.577	9.864.650.624
Công ty cổ phần tập đoàn SSG	-	169.000.000.000
Công ty TNHH Decotex	-	618.134.224
Công ty TNHH TD và các con	-	1.273.180.101
Công ty TNHH Thiết Lập	-	4.000.000.000
Công ty cổ phần Lúa Vàng	-	5.059.738.607
Công ty cổ phần bao bì hiện đại	-	922.916.654
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ Hưng Phát	-	2.380.235.400
Công ty cổ phần Bách Hưng Sinh	70.811.665	908.182.392
Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Đặng Hưng Thịnh	896.718.758	2.146.226.109
Công ty cổ phần kính Tân Bình	440.000.000	-
Wings International Co., Ltd	1.130.167.743	-
Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng Cholimex	426.198.000	104.345.000
Công ty TNHH chế biến thực phẩm thương mại Pha Lê	2.894.503.242	-
Các khách hàng khác	10.852.162.357	13.741.931.026
Cộng	<u>62.764.955.492</u>	<u>231.503.494.862</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Đồng Nai Thái Sơn	2.558.670.000	3.437.300.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Đông Tây	3.966.498.860	-
Công ty TNHH thương mại xây dựng Rạng Đông	717.554.000	-
Công ty xăng dầu Khu vực II	1.760.859.788	1.277.200.128
CBH Grain PTY Limited	16.447.068.113	-
A.J Plast Public Company Limited	2.092.758.571	-
Công ty TNHH Tự Động	2.462.400.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.042.054.307	1.906.539.201
Cộng	<u>31.047.863.639</u>	<u>6.621.039.329</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền cho mượn	700.000.000	655.570.982
Tạp chí thể giới Tennis	200.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)	-	655.570.982
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ y tế Tân Bình	500.000.000	-
Công ty Toàn Trung - tiền bồi thường	300.000.000	300.000.000
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	2.217.133.333	253.259.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động kinh doanh bất động sản (2%)	4.228.041.205	3.608.629.832
Thuế GTGT chưa kê khai	16.051.488	3.471.207.321
Tạm ứng cổ tức	-	11.361.152.100
Phải thu khác	560.564.183	599.517.901
Cộng	8.021.790.209	20.249.337.519

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% đối với các khoản nợ trên 03 năm.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	7.247.221.931
Nguyên liệu, vật liệu	493.752.211	862.610.822
Công cụ, dụng cụ	236.802.406	234.794.244
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	181.782.256.046	177.582.538.325
Thành phẩm	801.012.360	3.940.348.427
Hàng hóa	20.564.810.500	25.043.582.560
Hàng hóa bất động sản	102.682.906	79.015.719.756
Chi phí mua hàng	-	56.331.739
Cộng	203.981.316.429	293.983.147.804

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	93.522.872	21.337.684
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất	-	11.543.400
Chi phí sửa chữa	112.383.779	325.071.949
Phí bảo hiểm	115.191.310	105.041.843
Phí duy tu và tiện ích công cộng	311.517.132	76.983.856
Chi phí khác	130.417.650	27.055.000
Cộng	763.032.743	567.003.732

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	884.026.000	949.092.950
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	948.941.587	1.090.522.138
Cộng	1.832.967.587	2.039.615.088

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương	9.495.424.250	15.040.652.678
Công ty TNHH sản xuất - thương mại Êm Đềm	2.115.602.131	2.115.602.131
Công ty TNHH Liên Hiệp	961.636.418	1.351.636.418
Công ty cổ phần kiếng Tân Bình	2.383.987.100	6.194.565.816
Các khách hàng khác	1.888.347.000	868.541.000
Cộng	16.844.996.899	25.570.998.043

11. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Công Xuân - tiền đặt cọc hứa chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	12.705.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	241.571.400
Cộng	-	12.946.571.400

12. Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi

Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% đối với các khoản nợ trên 03 năm.

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm trang 43.

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí giải phóng mặt bằng	San lấp mặt bằng	Phần mềm máy tính	Chi phí đền bù	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.466.080.200	84.218.125.350	87.450.000	165.443.293.810	255.214.949.360
Kết chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản sang				88.062.030.010	88.062.030.010
Giảm do hoán đổi nền đất	(66.224.763)	-	-	(4.906.171.563)	(4.972.396.326)
Số cuối năm	5.399.855.437	84.218.125.350	87.450.000	248.599.152.257	338.304.583.044
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	68.369.791.586	-	133.523.492.132	201.893.283.718
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	773.649.438	70.874.957.667	68.502.500	150.271.966.247	221.989.075.852
Khấu hao trong năm	107.997.109	4.772.245.328	17.490.000	9.527.325.805	14.425.058.242
Giảm do hoán đổi nền đất	-	-	-	(1.629.309.438)	(1.629.309.438)
Số cuối năm	881.646.547	75.647.202.995	85.992.500	158.169.982.614	234.784.824.656
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.692.430.762	13.343.167.683	18.947.500	15.171.327.563	33.225.873.508
Số cuối năm	4.518.208.890	8.570.922.355	1.457.500	90.429.169.643	103.519.758.388
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong năm được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm trang 44.

16. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	38.755.428.479	26.461.765.034	65.217.193.513
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	109.188.009.539	109.188.009.539
Chuyển từ xây dựng cơ bản sang	-	72.043.804.801	72.043.804.801
Giảm khác	-	(5.822.100)	(5.822.100)
Số cuối năm	38.755.428.479	207.687.757.274	246.443.185.753
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.368.478.924	16.051.473.277	17.419.952.201
Khấu hao trong năm	817.843.323	11.203.001.002	12.020.844.325
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	33.575.720.518	33.575.720.518
Số cuối năm	2.186.322.247	60.830.194.797	63.016.517.044
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	37.386.949.555	10.410.291.757	47.797.241.312
Số cuối năm	36.569.106.232	146.857.562.477	183.426.668.709

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn ^(a)	3.600.000	25.330.139.888	3.600.000	30.657.375.424
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình ^(b)	570.000	7.436.595.802	570.000	8.444.496.914
Công ty cổ phần kiếng Tân Bình ^(c)	1.379.418	2.286.851.954	1.467.466	7.025.527.048
Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimosaxanh ^(d)	585.000	5.682.744.449	585.000	5.730.314.541
Công ty cổ phần kính Tân Bình ^(e)	160.000	1.189.013.302	-	-
Cộng		41.925.345.395		51.857.713.927

(a) Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 39/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 65/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp bổ sung ngày 22 tháng 8 năm 2007, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn 36.000.000.000 VND tương đương 40,00% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0304592598 thay đổi lần thứ 03, ngày 03 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình 5.700.000.000 VND tương đương 47,50% vốn điều lệ.

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103009526 ngày 03 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần kiếng Tân Bình 13.794.181.340 VND tương đương 48,92% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5800553524 đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimoza xanh 5.850.000.000 VND tương đương 45,00% vốn điều lệ.
- (e) Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần kính Tân Bình 1.600.000.000 VND tương đương 20% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giá trị phần sở hữu trong năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong kỳ	Giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	30.657.375.424	-	(5.327.235.536)	-	-	25.330.139.888
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình	8.444.496.914	-	546.871.265	(513.000.000)	(1.041.772.377)	7.436.595.802
Công ty cổ phần kiếng Tân Bình	7.025.527.048	-	(4.738.675.094)	-	-	2.286.851.954
Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimoza xanh	5.730.314.541	-	(47.570.092)	-	-	5.682.744.449
Công ty cổ phần kính Tân Bình	-	1.600.000.000	(410.986.698)	-	-	1.189.013.302
Cộng	51.857.713.927	1.600.000.000	(9.977.596.155)	(513.000.000)	(1.041.772.377)	41.925.345.395

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	21.458	76.263.680	17.882	76.263.680
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương	554.655	4.669.841.614	467.610	4.669.841.614
Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)	14.500	594.500.000	14.500	594.500.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	42.973	863.934.000	33.216	807.884.000
Công ty cổ phần lương thực Nam Trung Bộ	120.000	8.020.000.000	60.000	2.020.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex	200.000	3.000.000.000	150.000	2.250.000.000
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics	-	2.535.000.000	-	-
Cộng		29.759.539.294		20.418.489.294

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lý do thay đổi:

- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam tăng 3.576 cổ phiếu do được chia cổ phiếu thưởng.
- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương tăng 87.045 cổ phiếu do được chia cổ phiếu thưởng.
- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tăng 4.152 cổ phiếu được chia cổ tức bằng cổ phiếu và mua thêm 5.605 cổ phiếu với giá mua 10.000 VND / cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần lương thực Nam Trung Bộ tăng do mua thêm 60.000 cổ phiếu với giá mua là 10.000 VND / cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex tăng do mua thêm 50.000 cổ phiếu với giá mua là 15.000 VND / cổ phiếu.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 412022000355 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2011 do Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics 1.901.250.000 VND tương đương 15% vốn điều lệ đầu tư.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	278.420.100	353.226.800
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long ^(*)	5.482.303.211	4.459.280.729
Cộng	5.760.723.311	4.812.507.529

(*) Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đang trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dựa vào giá trị sổ sách của các Công ty này. Số liệu trên Báo cáo tài chính mà Công ty làm cơ sở lập dự phòng của các đơn vị này chưa được kiểm toán.

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Tiền thuê đất	6.935.587.549	4.621.250.003	(832.218.652)	-	10.724.618.900
Chi phí sửa chữa kho, hội quán, văn phòng	163.089.113	196.729.000	(175.039.409)	-	184.778.704
Công cụ, dụng cụ	898.128.515	628.955.642	(1.123.269.265)	-	403.814.892
Chi phí khác	15.999.994	59.190.000	(6.021.806)	(12.444.438)	56.723.750
Cộng	8.012.805.171	5.506.124.645	(2.136.549.132)	(12.444.438)	11.369.936.246

21. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	65.403.717.215	57.723.315.605
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ^(a)	35.836.048.226	46.220.436.237
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(b)	20.798.454.321	11.502.879.368
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương ^(c)	8.769.214.668	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	305.600.000	3.005.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.31)	26.390.000.000	17.782.888.000
Cộng	92.099.317.215	78.511.803.605

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này được Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình bảo lãnh thanh toán theo Chứng thư bảo lãnh số 1910/CTBL-TCKT ngày 26 tháng 11 năm 2009 trị giá 30.000.000.000 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này được Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình bảo lãnh thanh toán trị giá 700,000.00 USD.

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này được Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình bảo lãnh thanh toán trị giá 10.000.000.000 VND bao gồm cả ngoại tệ qui đổi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	57.723.315.605	332.311.296.902	-	2.256.702.748	(326.887.598.040)	65.403.717.215
Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân khác	3.005.600.000	-	-	-	(2.700.000.000)	305.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả	17.782.888.000	-	26.390.000.000	741.203.000	(18.524.091.000)	26.390.000.000
Cộng	78.511.803.605	332.311.296.902	26.390.000.000	2.997.905.748	(348.111.689.040)	92.099.317.215

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương	636.583.376	667.495.752
Công ty TNHH Lạc Thành	-	760.000.000
Công ty TNHH xây dựng điện Thiên Việt	-	683.765.800
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ Hưng Phát	2.113.274.250	-
Công ty cổ phần xây dựng - cơ khí Tân Bình Tanimex	11.515.679.149	39.092.620.594
Công ty cổ phần đầu tư sản xuất Kim Hải	1.694.470.749	-
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Than Đèo Nai	-	400.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.658.984.940	4.050.624.849
Cộng	18.618.992.464	45.654.506.995

24. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lê Thị Hoàng Oanh	-	2.141.748.555
Công ty TNHH công nghiệp An Phong	508.704.048	-
Công ty TNHH Thiết Lập	1.465.037.338	-
Công ty cổ phần Lúa Vàng	2.277.923.035	-
Các khách hàng khác	103.356.103	903.970.371
Cộng	4.355.020.524	3.045.718.926

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số được cân trừ	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	829.479.063	30.718.808.294	-	(31.419.577.530)	128.709.827
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	29.675.910	5.311.579.764	-	(5.341.255.674)	-
Thuế xuất nhập khẩu	269.370.441	6.562.378.805	-	(5.950.573.417)	881.175.829
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành ^(*)	4.632.784.585	33.130.172.461	(2.885.940.331)	(33.082.598.842)	1.794.417.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	212.514.494	3.505.351.704	-	(3.231.374.305)	486.491.893
Thuế thu nhập cá nhân	282.169.412	2.989.654.531	-	(3.051.477.537)	220.346.406
Thuế tài nguyên	27.278.580	238.392.110	-	(251.974.310)	13.696.380
Tiền thuê đất	-	511.524.862	-	(511.524.862)	-
Các loại thuế khác	2.913.000	44.197.500	-	(44.179.500)	2.931.000
Cộng	6.286.185.485	83.012.060.031	(2.885.940.331)	(82.884.535.977)	3.527.769.208

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Trong đó, khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa là 98.672.476 VND được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phí tiện ích công cộng và tiền sử dụng đất	Không chịu thuế
- Nền đất ưu đãi; hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và cho thuê cây xanh; hàng nông sản	5%
- Phí duy tu, thuê mặt bằng, kho xưởng; bán gạch và vận chuyển; cho thuê sân tennis và các hoạt động khác ,....	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Các công ty trong tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

26. Phải trả người lao động

Lương tháng 13 và lương hiệu quả kinh doanh.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí duy tu bảo dưỡng	17.628.395.161	14.924.380.492
Tiền thuê đất	2.482.851.859	2.552.302.267
Chi phí phải trả khác	390.174.721	1.266.551.322
Cộng	20.501.421.741	18.743.234.081

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội và Kinh phí công đoàn	336.963.366	768.236.160
Cổ tức phải trả	599.645.400	43.200.000
Tiền hỗ trợ tái định cư	360.522.437	-
Trái tức phải trả	3.837.600	3.837.600
Nhận tiền bồi thường bảo hiểm	89.566.967	110.551.967
Tiền đặt cọc mua tòa nhà 201-203 Lý Thường Kiệt	-	16.900.000.000
Tiền đặt cọc mua chung cư Sơn Kỳ	370.000.000	-
Phí duy tu hạ tầng	1.978.680.790	-
Nhận ký quỹ	15.520.000	18.670.000
Phải trả khác	1.113.595.378	1.195.009.314
Cộng	4.868.331.938	19.039.505.041

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập quỹ trong năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.883.767.324	4.849.337.772	-	(6.282.564.647)	2.450.540.449
Quỹ phúc lợi	1.397.093.077	5.135.988.238	985.220.000	(6.909.874.534)	608.426.781
Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	516.634.888	900.000.000	-	(781.552.648)	635.082.240
Cộng	5.797.495.289	10.885.326.010	985.220.000	(13.973.991.829)	3.694.049.470

30. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh - vốn do Ngân sách cấp về việc xây dựng trạm biến áp điện tại Khu công nghiệp Tân Bình	20.938.985.327	20.020.610.677
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	59.804.727.940	73.158.124.372
Phải trả dài hạn khác	4.287.884.338	6.439.599.400
Cộng	85.031.597.605	99.618.334.449

31. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱ⁾	89.004.608.614	82.316.367.182
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây ⁽ⁱⁱ⁾	4.534.523.711	10.019.082.386
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.305.239.476	-
Cộng	100.844.371.801	92.335.449.568

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại Lô 6 – 1, cụm 6, đường M1, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 72/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 6 năm 2008.
- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại cụm 2, đường M14, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 39/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2009.
- Công trình xây dựng, máy móc thiết bị trên đất thuộc dự án “Trường trung học Sơn Kỳ”.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Toàn bộ nhà kho (xưởng) và phần phụ trợ của dự án kho xưởng 09 cụm 2 – nhóm công nghiệp 1, khu công nghiệp Tân Bình.
- Cam kết dùng toàn bộ nguồn tiền thu được từ việc bán dây chuyền máy móc thiết bị in bao bì cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương theo hợp đồng kinh tế số 210/HĐKT – 2006 ngày 12 tháng 05 năm 2006 và tất cả các nguồn thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Tân Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc dự án “Nhà máy xử lý nước thải – giai đoạn 02”.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn ngân hàng:

Từ 01 năm trở xuống	26.390.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	81.831.678.684
Trên 05 năm	19.012.693.117
Tổng nợ	127.234.371.801

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	92.335.449.568
Vay trong năm	45.983.068.244
Số tiền vay đã trả trong năm	(11.876.278.354)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(26.390.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	792.132.343
Số cuối năm	100.844.371.801

32. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	2.046.089.227
Số trích lập trong năm	362.132.285
Số chi trong năm	(1.272.058.355)
Số cuối năm	1.136.163.157

33. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	116.370.231.430	90.656.279.512
Tiền nền đất	15.289.882.893	29.809.043.590
Dự án 201 – 203 Lý Thường Kiệt	-	168.884.646.679
Tiền nền đất	84.074.373.342	-
Các khoản khác	21.880.001	741.193.637
Cộng	215.756.367.666	290.091.163.418

34. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 03 đính kèm trang 45.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Cổ tức năm trước	24.039.202.500
Tạm ứng cổ tức năm nay	17.818.954.500
Cộng	41.858.157.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ theo quyết định của Hội đồng quản trị từng công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.033.728.642.200	704.386.250.559
- Doanh thu bán hàng hóa	489.501.542.406	344.712.993.777
- Doanh thu bán thành phẩm	31.436.101.123	42.221.313.913
- Doanh thu xây dựng	3.500.000	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	147.983.131.980	106.961.799.479
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	364.804.366.691	210.490.143.390
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(533.354)	(105.373.089)
Doanh thu thuần	1.033.728.108.846	704.280.877.470
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	489.501.009.052	344.607.620.688
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	31.436.101.123	42.221.313.913
- Doanh thu thuần xây dựng	3.500.000	-
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	147.983.131.980	106.961.799.479
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	364.804.366.691	210.490.143.390

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	473.271.892.182	334.582.734.863
Giá vốn bán thành phẩm	25.227.769.291	36.008.686.570
Giá vốn xây dựng	3.512.615	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	78.855.575.360	59.996.893.262
Giá vốn kinh doanh bất động sản	203.578.888.091	107.380.879.006
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(457.953.051)
Cộng	780.937.637.539	537.511.240.650

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	22.731.923.700	15.537.639.705
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.855.946.119	-
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	17.200.000
Lãi tiền cho vay	2.353.073.005	669.257.781
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.343.017.709	684.963.666
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.989.556.506	2.709.960.129
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	542.826.365	116.066.119
Lãi phạt trả chậm	5.799.553.761	7.988.763.894
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu	-	1.083.900.000
Cộng	36.615.897.165	28.807.751.294

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	30.635.748.940	12.602.917.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.517.064.753	6.743.289.772
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	712.497.881	1.175.540.897
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	1.738.332.239
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	948.215.782	-
Chi phí bảo lãnh ngân hàng	-	267.500.000
Chi phí tài chính khác	116.623.553	133.161.953
Cộng	42.930.150.909	22.660.742.193

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	22.938.080.987	16.727.312.865
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.040.096.512	1.398.208.333
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.202.417.615	761.550.345
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.457.426.237	2.967.405.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.258.366.640	12.597.824.586
Chi phí khác	21.790.079.395	12.458.472.853
Cộng	65.686.467.386	46.910.774.479

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	24.733.070.781	16.342.108.315
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	797.212.384	747.640.490
Chi phí đồ dùng văn phòng	650.417.324	909.821.917
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.644.494.218	3.412.584.824
Thuế, phí và lệ phí	282.713.261	178.523.800
Chi phí dự phòng	2.811.870.482	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.465.072.262	2.711.233.307
Chi phí khác	5.746.318.621	4.339.519.967
Cộng	42.131.169.333	28.641.432.620

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.083.890.909	155.900.000
Thu tiền lãi do chậm trả	-	50.849.474
Thu phí bảo vệ môi trường	-	273.437.921
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	988.586.421	171.684.980
Tiền thù lao cho xí nghiệp nguyên liệu	684.836.365	455.599.999
Thu nhập khác	667.530.631	319.983.897
Cộng	3.424.844.326	1.427.456.271

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.236.142.370	320.966.878
Chi phí thanh lý TSCĐ	339.622.234	-
Chi phí khác	104.958.714	116.247.068
Cộng	1.680.723.318	437.213.946

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	98.119.536.966	75.537.088.401
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	98.119.536.966	75.537.088.401
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.000.000	24.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.088	3.147

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	12.000.000	12.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 13 tháng 6 năm 2011 từ thặng dư vốn cổ phần	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.000.000	24.000.000

Năm 2011, Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) đã tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6.295 VND xuống còn 3.147 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty có mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ với tổng số tiền là 83.128.423.332 VND (số năm trước là 24.320.990.928 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.725.500.000	1.848.000.000
Phụ cấp	327.000.000	1.950.000
Thưởng	128.550.000	631.000.000
Các khoản khác	-	24.500.000
Cộng	4.181.050.000	2.505.450.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimoza xanh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kính Tân Bình	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Mua tài sản cố định và xây dựng các công trình	52.055.352.956	97.707.757.605
Cung cấp nhiên liệu, nước sinh hoạt và dịch vụ ăn uống	599.691.103	409.104.138
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)		
Thuê kho xưởng	1.575.116.400	7.202.005.326
Mua tài sản cố định	12.900.648.986	-
Thi công công trình	1.474.244.465	956.776.874
Mua hàng hoá	2.167.261.000	-
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn		
Phí dịch vụ	-	44.000.000
Tiền lãi vay kinh doanh	2.193.888.889	-
Chi phí khảo sát thị trường	474.216.187	-
Công ty cổ phần kính Tân Bình		
Cho thuê kho xưởng	501.124.453	-
Bán hàng hoá	2.167.261.000	-
Cho thuê máy cưa lực	400.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Tiền gốc cho mượn	-	655.570.982
Tiền xăng, dầu, nước và dịch vụ trồng cây xanh phải thu	121.527.135	51.242.058
Phải thu tiền bán sắt thép	-	3.307.222.490
Phải thu lãi trả chậm tháng 9	-	35.868.126
Phải thu tiền bán hàng	130.292.400	-
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)		
Phải thu tiền thuê kho xưởng	-	3.454.496.788
Tiền xăng, dầu, nước phải thu	-	15.463.624
Tiền ký quỹ thuê kho xưởng	1.300.359.828	1.193.446.397
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	10.203.352.759
Công ty cổ phần kính Tân Bình		
Phải thu bán hàng	2.823.987.100	-
Cộng nợ phải thu	4.376.166.463	18.916.663.224
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Phải trả tiền xây dựng công trình	11.515.679.149	39.092.620.594
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)		
Chi phí xây dựng lắp đặt	-	40.605.737
Cộng nợ phải trả	11.515.679.149	39.133.226.331

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa các bên.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động bán hàng hoá.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động kinh doanh khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	364.804.366.691	489.501.009.052	179.422.733.103	1.033.728.108.846
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	364.804.366.691	489.501.009.052	179.422.733.103	1.033.728.108.846
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	161.225.478.600	16.229.116.870	75.335.875.837	252.790.471.307
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(107.817.636.719)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				144.972.834.588
Doanh thu hoạt động tài chính				36.615.897.165
Chi phí tài chính				(42.930.150.909)
Thu nhập khác				3.424.844.326
Chi phí khác				(1.680.723.318)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				(9.097.116.495)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(33.003.497.054)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(182.551.337)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				98.119.536.966
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	69.892.452.642	93.782.940.165	34.375.396.846	198.050.789.653
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	18.419.204.980	24.715.217.927	9.059.168.148	52.193.591.055
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	210.490.143.390	344.607.620.688	149.183.113.392	704.280.877.470
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.490.143.390	344.607.620.688	149.183.113.392	704.280.877.470
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	103.109.264.384	10.024.885.825	53.635.486.611	166.769.636.820
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(75.552.207.099)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				91.217.429.721
Doanh thu hoạt động tài chính				28.807.751.294
Chi phí tài chính				(22.660.742.193)
Thu nhập khác				1.427.456.271
Chi phí khác				(437.213.946)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				(130.266.170)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(22.596.264.519)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(91.062.057)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				75.537.088.401

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	40.716.568.383	66.659.842.247	28.857.524.349	136.233.934.979
---	-----------------------	-----------------------	-----------------------	------------------------

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.025.398.378	22.961.926.323	9.940.382.780	46.927.707.481
---	-----------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	183.426.668.709	183.426.668.709
Tài sản phân bổ cho bộ phận	288.404.985.544	386.986.956.104	141.847.015.748	817.238.957.396
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				65.924.161.378
Tổng tài sản				1.066.589.787.483
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	196.860.818.313	264.151.358.936	96.822.596.678	557.834.773.927
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				3.694.049.470
Tổng nợ phải trả				561.528.823.397
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	47.797.241.312	47.797.241.312
Tài sản phân bổ cho bộ phận	305.857.812.728	500.740.468.963	216.774.144.496	1.023.372.426.187
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				69.945.715.692
Tổng tài sản				1.141.115.383.191

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	198.371.102.729	324.766.721.253	140.593.845.562	663.731.669.544
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				5.797.495.289
Tổng nợ phải trả				669.529.164.833

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	298.029.288	298.029.288
Trên 01 năm đến 05 năm	1.192.117.152	1.192.117.152
Trên 05 năm	12.765.587.836	13.063.617.124
Cộng	14.255.734.276	14.553.763.564

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2008 đến năm 2058 và có khả năng được gia hạn thêm. Tiền thuê được điều chỉnh sau 05 kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ký quyết định cho thuê đất theo quy định của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	85.082.875.964	83.703.785.047
Trên 01 năm đến 05 năm	234.808.584.478	294.542.291.672
Trên 05 năm	37.218.167.225	58.900.063.263
Cộng	357.109.627.668	437.146.139.982

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 84.566.465.008 VND (năm trước là 51.990.992.137 VND).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2011


Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng


Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	199.124.641.666	13.297.405.775	22.184.583.990	5.217.769.517	2.790.942.551	96.752.334.784	339.367.678.283
Mua sắm mới	45.454.545	16.395.903.312	5.805.790.655	272.120.476	-	80.059.000	22.599.327.988
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	301.752.727	-	-	-	42.545.455	301.642.860	645.941.042
Thanh lý, nhượng bán	(7.801.079.750)	(5.112.338.802)	(2.850.915.989)	(837.714.623)	-	(266.296.869)	(16.868.346.033)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(109.188.009.539)	-	-	-	-	-	(109.188.009.539)
Số cuối năm	82.482.759.649	24.580.970.285	25.139.458.656	4.652.175.370	2.833.488.006	96.867.739.775	236.556.591.741
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	17.676.210.446	2.154.504.506	13.011.751.229	3.363.105.856	600.299.434	31.143.097.481	67.948.968.952
Giá trị khấu hao							
Số đầu năm	87.566.987.519	7.878.286.141	14.789.965.167	4.020.152.695	1.667.288.324	64.258.468.971	180.181.148.817
Khấu hao trong năm	10.641.355.013	1.843.624.727	2.505.491.476	445.666.781	326.253.869	9.985.296.622	25.747.688.488
Thanh lý, nhượng bán	(7.801.079.750)	(1.216.891.401)	(1.255.616.729)	(449.005.277)	-	(98.145.563)	(10.820.738.720)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(33.575.720.518)	-	-	-	-	-	(33.575.720.518)
Số cuối năm	56.831.542.264	8.505.019.467	16.039.839.914	4.016.814.199	1.993.542.193	74.145.620.030	161.532.378.067
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	111.557.654.147	5.419.119.634	7.394.618.823	1.197.616.822	1.123.654.227	32.493.865.813	159.186.529.466
Số cuối năm	25.651.217.385	16.075.950.818	9.099.618.742	635.361.171	839.945.813	22.722.119.745	75.024.213.674
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lê Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào bất động sản đầu tư trong năm	Kết chuyển vào giá vốn trong năm	Giảm khác	Cộng
Mua sắm tài sản cố định	89.338.760.568	175.451.461.665	(88.707.971.052)	(72.043.804.801)	(9.696.557.569)	(23.895.794.163)	70.446.094.648
Xây dựng cơ bản dở dang	1.492.280.067	21.722.013.300	(85.899.300)	-	-	(1.155.682.799)	21.972.711.268
Công trình Khu công nghiệp Tân Bình	17.460.026.383	357.737.567	-	-	-	-	17.817.763.950
Công trình lưới điện thi công theo nguồn vốn ngân sách (*)	4.313.047.198	121.955.388.060	(88.168.702.752)	-	(7.136.178.559)	(22.244.765.000)	8.718.788.947
Chi phí đền bù và các chi phí chung	161.537.314	14.539.458.274	-	-	-	-	14.700.995.588
Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2	272.853.395	777.601.688	-	(555.108.719)	-	(495.346.364)	-
Công trình kho xưởng	523.123.819	1.179.990.686	-	-	-	-	1.703.114.505
Công trình nhà ở cho người lao động	34.964.532.538	4.198.120.745	-	(37.043.720.637)	(2.118.932.646)	-	-
Trường học Sơn Kỳ	25.095.194.441	9.349.781.004	-	(34.444.975.445)	-	-	-
Văn phòng 108 Tây Thạnh	700.519.714	-	-	-	-	-	700.519.714
Văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình	129.798.726	175.454.545	-	-	-	-	305.253.271
Văn phòng Lê Trọng Tấn	441.446.364	-	-	-	(441.446.364)	-	-
Khu công nghiệp Đồng Thạnh - Hóc Môn	346.625.029	304.933.987	-	-	-	-	651.559.016
Trung tâm thương mại chợ Tân Bình	1.460.696.049	314.505.029	-	-	-	-	1.775.201.078
Trung tâm thương mại Ngã tư ga	473.593.454	471.655.380	-	-	-	-	947.248.834
Tanishotel (261 Hoàng Văn Thụ)	10.811.181	-	-	-	-	-	10.811.181
TTYH Ao dôi (Dân cư 6)	301.752.727	-	(301.752.727)	-	-	-	-
Trang trại Long An	1.099.427.296	-	-	-	-	-	1.099.427.296
Chi nhánh Long An	89.494.873	104.821.400	(151.616.273)	-	-	-	42.700.000
Khác	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	89.338.760.568	175.451.461.665	(88.707.971.052)	(72.043.804.801)	(9.696.557.569)	(23.895.794.163)	70.446.094.648

(*) Theo quyết định số 163/QĐ-SCN ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Sở Công nghiệp (nay là Sở Công thương) TP. Hồ Chí Minh, Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được giao thực hiện dự án "Xây dựng mới hệ thống lưới điện trung hạ thế cung cấp cho nhóm dân cư - khu công nghiệp Tân Bình mở rộng". Khi công trình hoàn thành, Ban sẽ bàn giao và quyết toán với Ngân sách Nhà nước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2011

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	210.352.860.000	38.975.605.299	8.142.742.034	226.196.555	43.707.030.579	421.404.434.467
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	75.537.088.401	75.537.088.401
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	12.124.547.499	3.031.136.875	-	(25.980.005.439)	(10.824.321.065)
Tăng khác	-	-	1.550.942.597	-	-	855.000.000	2.405.942.597
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	(1.550.943.597)	(372.700.186)	-	6.812.914.296	4.889.270.513
Chỉ quỹ trong năm	-	-	-	-	(118.932.223)	-	(118.932.223)
Giảm khác	-	-	-	-	(107.264.332)	-	(107.264.332)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	210.352.860.000	51.100.151.798	10.801.178.723	-	79.332.027.837	471.586.218.358
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	210.352.860.000	51.100.151.798	10.801.178.723	-	79.332.027.837	471.586.218.358
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	120.000.000.000	(120.000.000.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	98.119.536.966	98.119.536.966
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	14.455.839.580	1.326.228.586	-	(26.667.394.176)	(10.885.326.010)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(17.818.954.500)	(17.818.954.500)
Tăng khác	-	-	200.000.000	301.261.649	-	600.000.000	1.101.261.649
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.041.772.377)	(1.041.772.377)
Số dư cuối năm	240.000.000.000	90.352.860.000	65.755.991.378	12.428.668.958	-	96.523.443.750	505.060.964.086

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2011



(Signature)

(Signature)

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu